

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HS - ST

Ngày: 24-01-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khương Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

2/ Bà Trương Thị Thu Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Phương Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Bùi Long Hải - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 24 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 265/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2023/QĐXXST-HS ngày 08/12/2023 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không nơi đăng ký thường trú; tạm trú: Không nơi đăng ký tạm trú; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: (Vô danh) và bà: (Vô danh); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 13/9/2001, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 64/2001/HSST; Ngày 28/12/2001, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo Bản án số 90/2001/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/9/2003; Ngày 07/5/2004, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 40/2004/HSST; ngày 20/12/2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm tuyên xử phạt 48 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số

167/2007/HSPT, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/3/2010; Ngày 10/6/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/6/2017; Ngày 21/11/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 169/2018/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/5/2021; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/9/2022 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

2. **Nguyễn Thanh D**, sinh năm 1984 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ A, Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ D1; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 05/01/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 07/2006/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/01/2011; Ngày 21/9/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 235/2012/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/5/2013; Ngày 25/3/2016, bị Tòa án nhân dân quận (nay là thành phố) T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 95/2016/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/9/2016; Ngày 08/6/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 159/2018/HSST; Ngày 11/6/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 112/2020/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/6/2022; Tiền sự: Không; bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 29/9/2022, sau đó bị bắt tạm giữ và tạm giam cho đến nay; có mặt.

3. **Nguyễn Quốc P**, sinh năm 1996 tại tỉnh Bình Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 245/38 đường T, Tổ I, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị D2; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 23/4/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 43/2020/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/5/2020; Ngày 30/6/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 127/2021/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/10/2021; Tiền sự: Không; bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 29/9/2022, sau đó bị bắt tạm giữ và tạm giam cho đến nay; có mặt.

4. **Lê Hải L** (tên gọi khác: M), sinh năm 1987 tại tỉnh Bình Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số B đường H, ấp D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Trường L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc D3; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 01/10/2013, bị Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em” theo Bản án số 1001/2013/HSPT, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/9/2021; Tiền sự: Không; bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 27/9/2022, sau đó bị bắt tạm giữ và tạm giam cho đến nay; có mặt.

5. **Lê Minh P1**, sinh năm 1976 tại tỉnh Bình Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số B đường N, Tổ D, khu G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N và bà Danh Thị S; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Yến T1; Tiền án: Ngày 11/01/2012, bị Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 04/2012/HSST; Ngày 13/9/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt 06 tháng tù của Bản án số 04/2012/HSST ngày 11/01/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo Lê Minh P1 chấp hành hình phạt chung là 08 năm 06 tháng tù theo Bản án số 245/2012/HSST; Ngày 28/11/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 267/2019/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/02/2021; Tiền sự: Ngày 25/10/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 24 tháng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy (hiện tại đang tạm đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 123/QĐ-CSCN ngày 16/02/2023 của Cơ sở Cai nghiện ma túy thuộc Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh B); ngày 16/02/2023 bị cáo đầu thú và bị bắt tạm giam từ ngày 16/02/2023 cho đến nay; có mặt.

Bị hại:

1. Ông Đặng Tấn D4, sinh năm 1972, địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An; vắng mặt.

2. Ông Đặng Văn T2, sinh năm 1975; địa chỉ: 1, đường P, Tổ G, Khu E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1990; địa chỉ: A, đường T, Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt khi xét xử, khi tuyên án vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Tiến C, sinh năm 2000; địa chỉ: KTX B, số G, Tổ A, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1978; địa chỉ: 7, đường L, Khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

6. Ông Huỳnh M1, sinh năm 1976; địa chỉ: số E, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

7. Anh Phạm Đình N1, sinh năm 1995; địa chỉ: Số A, đường C, Khu D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Ông Dương Hồng S1, sinh năm 1990; địa chỉ: Nhà trọ L3, phòng số A, ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Văn N2, sinh năm 1997; địa chỉ: số A, Khu I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Lê Hải M2, sinh năm 1985; địa chỉ: Số B, đường H, Tổ C, Khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Quốc P, Lê Hải L và Lê Minh P1 có mối quan hệ bạn bè quen biết ngoài xã hội, đều là đối tượng không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Từ ngày 19/7/2022 đến ngày 27/9/2022, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Quốc P và Lê Hải L đã thực hiện 09 (chín) vụ trộm cắp tài sản, còn Lê Minh P1 tuy biết tài sản do T cùng đồng phạm trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua để bán lại cho người khác kiếm lời, hành vi cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất:

Trưa ngày 19/7/2022, trong lúc Nguyễn Văn T và Nguyễn Quốc P đang ở khu vực gần Chùa H4, địa chỉ ở phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì T rủ P đi tìm tài sản của người khác là xe mô tô để trộm cắp đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, P đồng ý. Sau đó, P điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, biển số 47F1-563.22 chở T chạy quanh khu vực thành phố T, khi đi ngang qua quán C1, địa chỉ ở khu phố M, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì cả hai nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda Future, biển số 69E1-103.25 của anh Đặng Tấn D4 để trong quán, trên ổ khóa cắm sẵn chìa khóa, xung quanh không có người trông coi nên P dừng xe lại và ở bên ngoài canh giới, còn T lén lút vào trong quán tiến lại gần xe mô tô biển số 69E1-103.25 đẩy xe ra đường, rồi ngồi lên xe

để cho P điều khiển xe mô tô biển số 47F1–563.22 dùng chân đẩy đi về lại khu vực Chùa H4. Do không có xe sử dụng nên T nói với P để xe này lại làm phương tiện đi lại thì P đồng ý.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 265/KL-HĐĐGTS ngày 15/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Future, màu xanh-đen-bạc, biển số 69E1–103.25, trị giá 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã thu hồi được xe mô tô hiệu Honda Future, màu xanh-đen-bạc, biển số 69E1–103.25 của anh Đặng Tấn D4 nên ngày 25/11/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã giao trả lại xe trên cho anh D4 theo Quyết định xử lý vật chứng 198/QĐ ngày 25/11/2022. Anh Dũng không yêu cầu giải quyết gì thêm đối với các bị cáo.

2. Vụ thứ hai:

Khoảng 11 giờ ngày 02/8/2022, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Future, biển số 69E1–103.25 (là tài sản do T và Nguyễn Quốc P trộm cắp trong vụ thứ nhất) đến nhà Nguyễn Thanh D tại khu vực “Mã Lạng”, địa chỉ ở phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương rủ D đi tìm tài sản của người khác là xe mô tô để trộm cắp đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, D đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 69E1–103.25 chở D chạy quanh khu vực thành phố T, khi đến trước nhà số A, đường P, khu phố E, phường H, T, tỉnh Bình Dương của anh Đặng Văn T2, sinh năm 1975 thường trú tại địa chỉ nêu trên thì cả hai nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda SH 125i, màu đỏ - đen, biển số 61B2–005.82 của anh T2 dựng trước nhà, xung quanh không có người trông coi nên T dùng xe lại để D đi bộ vào trong nhà đẩy xe mô tô biển số 61B2–005.82 ra ngoài rồi D ngồi lên xe mô tô biển số 61B2–005.82 cho T điều khiển xe mô tô biển số 69E1–103.25 đẩy đi. Sau khi lấy trộm được xe, T điện thoại cho Lê Minh P1 nói muốn bán xe mô tô hiệu Honda SH 125i, màu đỏ - đen, biển số 61B2–005.82 nêu trên, P1 đồng ý và hẹn gặp T tại đoạn đường vắng thuộc khu vực phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương để xem xe. Khi gặp nhau tại điểm hẹn, P1 biết được xe mô tô trên do T trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 15.500.000 (mười lăm triệu năm trăm nghìn) đồng, nhưng do chưa có tiền nên P1 hẹn hôm sau sẽ trả thì T đồng ý rồi P1 kêu T đến nhà nghỉ L4, địa chỉ ở phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương thuê phòng và để lại xe mô tô biển số 61B2–005.82 tại đây, P1 sẽ đến lấy sau. Sau khi T để xe tại phòng số 6 của nhà nghỉ L4 thì T điện thoại báo cho P1 biết, đến tối cùng ngày P1 đến nhà nghỉ L4 lấy xe rồi ngủ lại tại đây. Đến sáng ngày 03/8/2022, P1 nhìn thấy thông tin Cơ quan Công an đang tìm tài sản bị trộm cắp là xe mô tô biển số 61B2–005.82 mà P1 mua lại từ Tây trên mạng xã

hội, do lo sợ bị phát hiện nên P1 liền trả phòng tại nhà nghỉ L4 rồi đẩy xe mô tô biển số 61B2- 005.82 qua nhà nghỉ T4, địa chỉ ở phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương thuê phòng số 1 của nhà nghỉ và cất giấu xe tại đây rồi đi tìm người tiêu thụ. Cùng ngày, Công an phường H kiểm tra hành chính nhà nghỉ T4, qua kiểm tra phát hiện, thu giữ xe mô tô biển số 61B2-005.82. Đến ngày 04/8/2022, P1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 242/KLTS-TTHS ngày 23/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SH 125i, màu đỏ - đen, biển số 61B2-005.82, trị giá 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng.

Đối với xe mô tô hiệu Honda SH 125i, màu đỏ - đen, biển số 61B2-005.82 của anh Đặng Văn T2, ngày 17/8/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã giao trả lại xe trên cho anh T2 theo Quyết định xử lý vật chứng 165/QĐ ngày 17/8/2022. Anh T2 không yêu cầu giải quyết gì thêm đối với các bị cáo.

3. Vụ thứ ba:

Chiều ngày 12/9/2022, trong lúc Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh D và Lê Hải L đang ở khu vực gần Chùa H4 thì cả nhóm bàn bạc rủ nhau đi tìm tài sản của người khác là xe mô tô để trộm cắp đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Sau đó, D điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, biển số 47F1-563.22 chở T và L chạy quanh khu vực thành phố T, khi đi ngang qua dãy trọ trong hẻm S, đường T, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì cả nhóm nhìn thấy ở hành lang của dãy trọ có dựng 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 36B6-728.46 của anh Nguyễn Công H, trên ổ khóa cắm sẵn chìa khóa, xung quanh không có người trông coi nên D dừng lại để T và L ở bên ngoài cảnh giới, còn D lén lút đi vào trong tiến lại gần xe mô tô biển số 36B6-728.46 ngồi lên xe, khởi động máy rồi điều khiển xe chạy đến khu vực đường N, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương bán xe trên cho đối tượng Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1987, thường trú tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương được số tiền 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng. Số tiền này, T, D và L chia đều, mỗi người được 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng và đã tiêu xài hết.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 295/KL-HĐĐGTS ngày 13/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 36B6-728.46, trị giá 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

Đối với xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 36B6-728.46, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh D và Lê Hải L khai đã bán lại cho đối tượng Nguyễn Thanh H1, quá trình điều tra đến nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một chưa làm việc được với đối tượng H1 nên chưa thu hồi được xe mô tô trên.

Anh Nguyễn Công H yêu cầu Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh D và Lê Hải L có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh H số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng là trị giá tài sản bị chiếm đoạt. Hiện T, D và L chưa bồi thường cho anh H.

4. Vụ thứ tư:

Chiều ngày 14/9/2022, trong lúc Nguyễn Văn T và Lê Hải L đang ở khu vực gần Chùa H4 thì T rủ L đi tìm tài sản của người khác là xe mô tô để trộm cắp đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, L đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, biển số 47F1-563.22 chở L chạy quanh khu vực thành phố T, khi đi ngang qua dãy trọ địa chỉ tại số G, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì cả hai nhìn thấy phòng đầu tiên là nhà xe của dãy trọ và có để nhiều xe mô tô nên T dừng xe lại ở trước dãy trọ và ở bên ngoài cảnh giới còn L lén lút mở cửa cổng nhà trọ rồi đi vào nhà xe đẩy xe mô tô hiệu KWA, màu trắng, biển số 61N7-6353 của anh Nguyễn Tiến C ra đường rồi ngồi lên xe để T điều khiển xe mô tô biển số 47F1 - 563.22 đẩy đi về khu vực gần Chùa H4. Sau đó, T nói với L không bán xe mô tô biển số 61N7-6353 mà để lại làm phương tiện đi lại thì L đồng ý.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 296/KL-HĐĐGTS ngày 13/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu KWA, biển số 61N7-6353, trị giá 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã thu hồi được xe mô tô hiệu KWA, biển số 61N7-6353 của anh Nguyễn Tiến C nên ngày 25/10/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã giao trả lại xe trên cho anh C theo Quyết định xử lý vật chứng 101/QĐ ngày 25/10/2022. Anh C không yêu cầu giải quyết gì thêm đối với các bị cáo.

5. Vụ thứ năm:

Trưa ngày 15/9/2022, trong lúc Nguyễn Văn T, Lê Hải L và Nguyễn Quốc P đang ở khu vực gần Chùa H4 thì cả nhóm bàn bạc rủ nhau đi tìm tài sản của người khác là xe mô tô để trộm cắp đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Sau đó, P điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, biển số 47F1-563.22 chở T và L chạy quanh khu vực thành phố T, khi đi ngang qua nhà số G, đường L, khu phố

G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì cả nhóm nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 61B1-888.07 của chị Nguyễn Thị Thanh T3 để trong sân nhà, trên ổ khóa cắm sẵn chìa khóa, xung quanh không có người trông coi nên P dừng xe lại để T và L ở bên ngoài cảnh giới còn P lén lút vào nhà tiến lại gần xe mô tô biển số 61B1-888.07 rồi ngồi lên xe, khởi động máy, điều khiển xe chạy đến đường N, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương bán cho đối tượng Nguyễn Thanh H1 được số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Số tiền này, T, L và P chia đều, mỗi người được 2.000.000 (hai triệu) đồng và đã tiêu xài hết.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 321/KL-HĐĐGTS ngày 10/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 61B1-888.07, trị giá 8.000.000 (tám triệu) đồng.

Đối với xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 61B1 – 888.07, Nguyễn Văn T, Lê Hải L và Nguyễn Quốc P khai đã bán lại cho đối tượng Nguyễn Thanh H1, quá trình điều tra đến nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một chưa làm việc được với đối tượng H1 nên chưa thu hồi được xe mô tô trên. Chị Nguyễn Thị Thanh T3 yêu cầu Nguyễn Văn T, Lê Hải L và Nguyễn Quốc P có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị T3 số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng là trị giá tài sản bị chiếm đoạt. Hiện T, L và P chưa bồi thường cho chị T3.

6. Vụ thứ sáu:

Trưa ngày 17/9/2022, trong lúc Nguyễn Văn T và Nguyễn Thanh D, đang ở khu vực gần Chùa H4 thì T rủ D đi tìm tài sản của người khác là xe mô tô để trộm cắp đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, D đồng ý. Sau đó, D điều khiển xe mô tô hiệu xe mô tô hiệu KWA, biển số 61N7 – 6353 (là tài sản do T và Lê Hải L trộm cắp trong vụ thứ tư) chở T chạy quanh khu vực thành phố T, khi đi ngang qua nhà số E, đường P, khu phố I, phường P, thành T, tỉnh Bình Dương thì cả hai nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, màu xanh-đen, biển số 61C1-753.29 của anh Huỳnh M1 để trong sân nhà, trên ổ khóa cắm sẵn chìa khóa, xung quanh không có người trông coi nên D dừng xe lại trước nhà để T ở bên ngoài cảnh giới còn D lén lút vào trong tiến lại gần xe mô tô biển số 61C1-753.29 đẩy xe ra đường rồi khởi động máy, điều khiển xe chạy về khu vực gần Chùa H4. Sau đó, T và D điện thoại cho đối tượng Nguyễn Thanh H1 để bán xe mô tô vừa trộm được nhưng H1 không mua nên T và D để lại và dùng làm phương tiện đi lại.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 267/KL-HĐĐGTS ngày 19/9/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận:

01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, màu xanh-đen, biển số 61C1-753.29, trị giá 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã thu hồi được xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, màu xanh-đen, biển số 61C1-753.29 của anh Huỳnh M1 nên ngày 18/10/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã giao trả lại xe trên cho anh M1 theo Quyết định xử lý vật chứng 195/QĐ ngày 18/10/2022. Anh M1 không yêu cầu giải quyết gì thêm đối với các bị cáo.

7. Vụ thứ bảy:

Chiều ngày 18/9/2022, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, màu xanh-đen, biển số 61C1-753.29 (là tài sản do T và Nguyễn Thanh D trộm cắp được trong vụ thứ sáu) chở Lê Hải L đến khu vực chợ B ở thành phố T, tỉnh Bình Dương để chơi. Trên đường về, khi cả hai lưu thông đến Cửa hàng Quảng cáo Hạnh Phúc, địa chỉ tại số B, đường C, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì L nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 77D1-242.64 của anh Phạm Đình N1 dựng trước cửa hàng không có người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt và rủ T lấy trộm thì T đồng ý. Thực hiện ý định trên, T dừng xe trước cửa hàng và đứng bên ngoài cảnh giới còn L xuống xe, lén lút tiến lại gần xe mô tô biển số 77D1-242.64 rồi đẩy xe ra đường và ngồi lên xe để T điều khiển xe mô tô biển số 61C1-753.29 dùng chân đẩy đi đến đường N, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương và bán lại xe trên cho đối tượng Nguyễn Thanh H1 được số tiền 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng. Sau khi bán xe cho H1, T điều khiển xe mô tô biển số 61C1-753.29 chở L ra về, khi vừa tới đầu hẻm thì cả hai nhìn thấy lực lượng Công an phường C đang tuần tra trên đường và do lo sợ bị phát hiện nên cả hai bỏ lại xe xe mô tô biển số 61C1-753.29 rồi chạy trốn về khu vực gần Chùa H4, sau đó đi về nhà.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 241/KL-HĐĐGTS ngày 03/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 77D1-242.64, trị giá 19.000.000 (mười chín triệu) đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã thu hồi được xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 77D1-242.64 của anh Phạm Đình N1 và đến ngày 23/8/2023 đã giao trả lại xe trên cho anh N1 theo Quyết định xử lý vật chứng 256/QĐ ngày 23/8/2023. Anh N1 không yêu cầu giải quyết gì thêm đối với các bị cáo.

8. Vụ thứ tám:

Trưa ngày 26/9/2022, trong lúc Nguyễn Thanh D đang ở khu vực gần Chùa H4 thì Nguyễn Văn T rủ D đi tìm tài sản của người khác là xe mô tô để trộm cắp đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, D đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô hiệu KWA, màu trắng, biển số 61N7-6353 (là tài sản do T và Lê Hải L trộm cắp được trong vụ thứ tư) chở D đến khu vực thị xã B, tỉnh Bình Dương tìm tài sản để trộm cắp. Khi cả hai điều khiển xe chạy đến nhà trọ Lê Văn H2, ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương thì nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda Future FI, màu nâu-vàng, biển số 67C1-407.26 của anh Dương Hồng S1 dựng trước dãy trọ, trên ổ khóa cắm sẵn chìa khóa nhưng không có người trông coi nên T dừng xe lại đứng bên ngoài cánh giới còn D lén lút vào trong tiến lại gần xe mô tô biển số 67C1-407.26, đẩy xe ra đường rồi khởi động máy, điều khiển xe chạy về hướng thành phố T. Khi đến gần khu vực cầu Ô thì do cả hai bị lực lượng phòng chống tội phạm truy đuổi nên D điều khiển xe mô tô biển số 67C1-407.26 chạy đến đường N thì bỏ lại xe trên đường lẫn trốn, còn T điều khiển xe mô tô biển số 61N7-6353 tẩu thoát.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 241/KL-HĐĐGTS ngày 03/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Future FI, màu nâu-vàng, biển số 67C1-407.26, trị giá 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng.

Đối với xe mô tô hiệu Honda Future FI, màu nâu-vàng, biển số 67C1-407.26, Nguyễn Thanh D khai khi bị lực lượng phòng chống tội phạm truy đuổi, D đã bỏ lại xe trên đường N nhưng không nhớ vị trí cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T chưa thu hồi được. Anh Dương Hồng S1 yêu cầu Nguyễn Văn T và Nguyễn Thanh D có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh S1 số tiền 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng là trị giá tài sản bị chiếm đoạt. Hiện T và D chưa bồi thường cho anh S1.

9. Vụ thứ chín:

Trưa ngày 27/9/2022, trong lúc Nguyễn Văn T, Lê Hải L và Nguyễn Quốc P đang ở khu vực gần Chùa H4 thì cả nhóm bàn bạc rủ nhau đi tìm tài sản của người khác là xe mô tô để trộm cắp đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, P điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, biển số 47F1-563.22 chở T và L chạy quanh khu vực thành phố T, khi đi ngang qua Cửa hàng N3, địa chỉ tại số A, đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì cả nhóm nhìn thấy cổng lớn đang mở, bên trong có 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xanh-đen, biển số 69E1-195.05 của anh Nguyễn Văn N2 đang dựng ở phía trước cửa, xung quanh không có người trông coi nên P dừng xe lại phía trước cổng cùng T đứng bên ngoài cánh giới còn L đi bộ vào trong tiến lại gần xe mô tô biển số 69E1-195.05 thì L nhìn thấy trên ổ khóa đã cắm sẵn

chìa khóa nên lén lút đẩy xe ra ngoài, ngồi lên xe rồi khởi động máy, điều khiển xe chạy đi. Sau khi lấy trộm được xe, L một mình điều khiển xe đến gửi tại bãi giữ xe của Siêu thị C2, địa chỉ ở phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương cất giấu để tìm nơi đi tiêu thụ thì bị lực lượng Công an thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T phát hiện, bắt giữ L cùng vật chứng là xe mô tô biển số 69E1-195.05.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 298/KL-HĐĐGTS ngày 14/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xanh-đen, biển số 69E1-195.05 trị giá 9.000.000 (chín triệu) đồng.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xanh-đen, biển số 69E1-195.05 của anh Nguyễn Văn N2, ngày 15/12/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã giao trả lại cho anh N2 theo Quyết định xử lý vật chứng 1211/QĐ ngày 15/12/2022. Anh N2 không yêu cầu giải quyết gì thêm đối với các bị cáo.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển số 61C1-794.38, số máy 5B96049656, số khung B9609Y049651 là xe do bà Lê Hải M2 mua của ông Lê Văn L2 nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Sau đó, bà M2 cho em ruột là bị cáo Lê Hải L mượn xe nêu trên để làm phương tiện đi lại, việc bị cáo L dùng biển số 47F1-563.22 gắn vào xe mô tô nêu trên sau đó bị cáo L sử dụng làm phương tiện phạm tội bà M2 không biết. Ngày 12/12/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển số 61C1-794.38, số máy 5B96049656, số khung B9609Y049651 cho bà Lê Hải M2 theo Quyết định xử lý vật chứng số 1121/QĐ-CSĐT-HS ngày 12/12/2022.

Đối với đối tượng Nguyễn Thanh H1, quá trình điều tra Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh D, Lê Hải L và Nguyễn Quốc P khai đã bán lại xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 36B6-728.46 và xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 61B1-888.07 cho H1, tuy nhiên đến nay Cơ quan điều tra vẫn chưa làm việc được với đối tượng H1, do đó chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H1 về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý khi có đủ căn cứ.

Tại Cáo trạng số 192/CT-VKSTDM ngày 18/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Thanh D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm c, g khoản 2 Điều 173; bị cáo Lê Hải L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173; bị cáo Nguyễn Quốc P về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g

khoản 2 Điều 173; bị cáo Lê Minh P1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, qua phần thủ tục xét hỏi tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đối với các bị cáo Nguyễn Thanh D, Lê Hải L, Nguyễn Quốc P và Lê Minh P1. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T, đại diện Viện Kiểm sát thay đổi quyết định truy tố theo đó truy tố bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội với tình tiết định khung là “có tính chất chuyên nghiệp” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm đối với các bị cáo như sau: Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Thanh D, Nguyễn Quốc P phạm tội 02 lần trở lên, là tình tiết được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Lê Hải L phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm là các tình tiết được quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Minh P1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như sau: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Quốc P, Lê Hải L và Lê Minh P1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi một phần và giao trả cho bị hại, là các tình tiết được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử lý đối với các bị cáo:

Về trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn T đề nghị: Áp dụng các điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thanh D đề nghị: Áp dụng các điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh D mức án từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Đối với bị cáo Lê Hải L đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g và điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lê Hải L mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Đối với bị cáo Nguyễn Quốc P đề nghị: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc P mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Đối với bị cáo Lê Minh P1 đề nghị: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lê Minh P1 mức án tù 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Hình phạt bổ sung đối với các bị cáo: Không.

Các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng trong vụ án: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh D và Lê Hải L liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Công H số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng là trị giá xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 36B6-728.46 của anh H bị chiếm đoạt.

+ Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Hải L và Nguyễn Quốc P liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh T3 số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng là trị giá xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 61B1 – 888.07 của chị T3 bị chiếm đoạt.

+ Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Thanh D liên đới bồi thường cho anh Dương Hồng S1 số tiền 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng là trị giá xe mô tô hiệu Honda Future FI, màu nâu-vàng, biển số 67C1-407.26 của anh S1 bị chiếm đoạt.

Tại phiên tòa, bị hại ông Nguyễn Công H trình bày: Về trách nhiệm dân sự, bị hại yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh D và Lê Hải L liên đới bồi thường cho ông H số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng là trị giá xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 36B6-728.46 của ông H bị chiếm đoạt. Về trách nhiệm hình sự bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức hình phạt theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lê Hải M2 trình bày: Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển số 61C1-794.38, số máy 5B96049656, số khung B9609Y049651 là xe do bà Lê Hải M2 mua của ông Lê Văn L2 nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Sau đó, bà M2 cho em ruột là bị cáo Lê Hải L mượn xe nêu trên để làm phương tiện đi lại, việc bị cáo L dùng biển số 47F1-563.22 gắn vào xe mô tô nêu trên sau đó bị cáo L sử dụng làm phương tiện phạm tội bà M2 không biết. Ngày 12/12/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển số 61C1-794.38, số máy 5B96049656, số khung B9609Y049651 cho bà Lê Hải M2 theo Quyết định xử lý vật chứng số 1121/QĐ-CSĐT-HS ngày 12/12/2022. Bà M2 không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T trình bày: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Từ ngày 19/7/2022 đến ngày 27/9/2022, bị cáo T không có nghề nghiệp, bị cáo T lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy tiền có được từ việc bán các tài sản phạm tội mà có làm nguồn sống chính. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn T đồng ý liên đới cùng các bị cáo Nguyễn Thanh D và Lê Hải L bồi thường cho anh Nguyễn Công H số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng là trị giá xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 36B6-728.46 của anh H mà các bị cáo chiếm đoạt; Bị cáo Nguyễn Văn T đồng ý liên đới cùng các bị cáo Lê Hải L và Nguyễn Quốc P bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh T3 số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng là trị giá xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 61B1 – 888.07 của chị T3 mà các bị cáo chiếm đoạt; Bị cáo Nguyễn Văn T đồng ý liên đới cùng bị cáo Nguyễn Thanh D bồi thường cho anh Dương Hồng S1 số tiền 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng là trị giá xe mô tô hiệu Honda Future FI, màu nâu-vàng, biển số 67C1-407.26 mà các bị cáo chiếm đoạt của anh S1. Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh D trình bày: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đồng ý liên đới cùng các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Hải L bồi thường cho anh Nguyễn Công H số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng là trị giá xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 36B6-728.46 của anh H mà các bị cáo chiếm đoạt; Bị cáo đồng ý liên đới cùng bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho anh Dương Hồng S1 số tiền 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng là trị giá xe mô tô hiệu Honda Future FI, màu nâu-vàng, biển số 67C1-407.26 mà các bị cáo chiếm đoạt của anh S1. Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quốc P trình bày: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đồng ý liên đới cùng các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Hải L bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh T3 số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng là trị giá xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 61B1 – 888.07 của chị T3 bị chiếm đoạt. Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hải L trình bày: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đồng ý liên đới cùng các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh D bồi thường cho anh Nguyễn Công H số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng là trị giá xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 36B6-728.46 của anh H mà các bị cáo chiếm đoạt; Bị cáo đồng ý liên đới cùng các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Quốc P bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh T3 số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng là trị giá xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 61B1 – 888.07 của chị T3 bị chiếm đoạt. Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Lê Minh P1 trình bày: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo và không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện Kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, các bị cáo T, D, P, L và P1 mong Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Quốc P, Lê Hải L và Lê Minh P1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản hỏi cung bị can, lời khai của các bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 19/7/2022 đến ngày 27/9/2022, các bị cáo Nguyễn Văn T (có 06 tiền án chưa được xóa án tích), Nguyễn Thanh D (có 05 tiền án chưa được xóa án tích), Nguyễn Quốc P (có 02 tiền án chưa được xóa án tích) và Lê Hải L (đã từng bị kết án về tội Hiếp dâm trẻ em chưa được xóa án tích) đã 09 (chín) lần lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại trên địa bàn thành phố T, thành phố T và thị xã B, tỉnh Bình Dương; bị cáo Lê Minh P1 (có 03 tiền án chưa được xóa án tích) tuy biết tài sản do T cùng đồng phạm trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua để bán lại cho người khác kiếm lời. Hành vi phạm tội của các bị cáo cụ thể như sau:

- Ngày 19/7/2022, tại quán C1, địa chỉ ở khu phố M, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Quốc P đã cùng nhau thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Future, màu xanh-đen-bạc, biển số 69E1-103.25, trị giá 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng của bị hại Đặng Tấn D4.

- Ngày 02/8/2022, tại nhà số A, đường P, khu phố E, phường H, T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Thanh D đã cùng nhau thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SH 125i, màu đỏ - đen, biển số 61B2- 005.82, trị giá 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng của bị hại Đặng Văn T2. Bị cáo Lê Minh P1 biết xe mô tô trên do bị cáo T trộm cắp

mà có nhưng vẫn đồng ý mua lại của T với giá 15.500.000 (mười lăm triệu năm trăm nghìn) đồng để bán lại cho người khác kiếm lời.

- Ngày 12/9/2022, tại dãy trọ trong hẻm S, đường T, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh D và Lê Hải L đã cùng nhau thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 36B6-728.46, trị giá 12.000.000 (mười hai triệu) đồng của bị hại Nguyễn Công H.

- Ngày 14/9/2022, tại dãy trọ có địa chỉ ở số G, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn Văn T và bị can Lê Hải L đã cùng nhau thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô hiệu KWA, màu trắng, biển số 61N7-6353, trị giá 4.000.000 (bốn triệu) đồng của bị hại Nguyễn Tiến C.

- Ngày 15/9/2022, tại nhà số G, đường L, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Hải L và Nguyễn Quốc P đã cùng nhau thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 61B1-888.07, trị giá 8.000.000 (tám triệu) đồng bị hại Nguyễn Thị Thanh T3.

- Ngày 17/9/2022, tại nhà số E, đường P, khu phố I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn Văn T và bị can Nguyễn Thanh D đã cùng nhau thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, màu xanh-đen, biển số 61C1-753.29, trị giá 10.000.000 (mười triệu) đồng của bị hại Huỳnh M1.

- Ngày 18/9/2022, tại khu vực phía trước nhà số B, đường C, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lê Hải L đã cùng nhau thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 77D1-242.64, trị giá 19.000.000 (mười chín triệu) đồng của bị hại Phạm Đình N1.

- Ngày 26/9/2022, tại nhà T, ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, bị can Nguyễn Văn T và bị can Nguyễn Thanh D đã cùng nhau thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Future FI, màu nâu-vàng, biển số 67C1-407.26, trị giá 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng của bị hại Dương Hồng S1.

- Ngày 27/9/2022, tại Cửa hàng N3, địa chỉ tại số A, đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Hải L và Nguyễn Quốc P đã cùng nhau thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xanh-đen, biển số 69E1-195.05, trị giá 9.000.000 (chín triệu) đồng của bị hại Nguyễn Văn N2.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Văn T đã 09 (chín) lần cùng các bị cáo Nguyễn Thanh D, Nguyễn Quốc P và Lê Hải L lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại Đặng Tấn D4, Đặng Văn T2, Nguyễn Tiến C, Huỳnh M1, Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Công H, Phạm Đình N1, Dương Hồng S1 và Nguyễn Văn N2 với tổng trị giá là 163.000.000 (một trăm sáu mươi ba triệu) đồng, bị cáo T không có nghề nghiệp, lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính; bị cáo Nguyễn Thanh D đã 04 (bốn) lần cùng các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Hải L lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại Đặng Văn T2, Huỳnh M1, Nguyễn Công H và Dương Hồng S1 với tổng trị giá là 109.000.000 (một trăm lẻ chín triệu) đồng; bị cáo Lê Hải L đã 05 (năm) lần cùng các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh D và Nguyễn Quốc P lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại Nguyễn Tiến C, Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Công H, Phạm Đình N1 và Nguyễn Văn N2 với tổng trị giá là 52.000.000 (năm mươi hai triệu) đồng; bị cáo Nguyễn Quốc P đã 03 (ba) lần cùng các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Hải L chiếm đoạt tài sản của các bị hại Đặng Tấn D4, Nguyễn Thị Thanh T3 và Nguyễn Văn N2 với tổng trị giá là 31.000.000 (ba mươi một triệu) đồng.

Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát bổ sung quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; bị cáo Nguyễn Thanh D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm c, g khoản 2 Điều 173; bị cáo Lê Hải L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173; bị cáo Nguyễn Quốc P về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173; bị cáo Lê Minh P1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức các bị cáo T, D, L, P biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo T, P, D có nhiều tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, bị cáo P1 có tiền án về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” chưa được xóa án tích, nhưng các bị cáo không biết ăn năn, hối cải, không tự tu dưỡng để trở thành công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội mới điều đó thể hiện các bị cáo là người lười lao động, tham lam tư lợi, khó cải tạo. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo để đảm bảo tính giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định mức hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cần đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để đưa ra mức hình phạt đủ tính giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội và thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Thanh D, Nguyễn Quốc P phạm tội 02 lần trở lên, là tình tiết được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Lê Hải L phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm, là các tình tiết được quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Minh P1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo T, D, P, L và P1 đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, tài sản phạm tội mà bị cáo Lê Minh P1 tiêu thụ đã được thu hồi và giao trả lại cho bị hại đây, bị cáo Lê Minh P1 đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Quốc P, Lê Hải L do tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi một phần và giao trả cho bị hại là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[6] Về hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo giữ vai trò tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T trong 09 lần cùng đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản với tổng trị giá các tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 163.000.000 (một trăm sáu mươi ba triệu) đồng thì có 06 lần do bị cáo T là người rủ rê các bị cáo P, D, L thực hiện hành vi phạm tội và có 01 lần bị cáo T là người trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của bị hại. Do đó, mức hình phạt của bị cáo T phải cao hơn mức hình phạt đối với các bị cáo D, P, L. Đối với bị cáo D đã tham gia cùng bị cáo T và bị cáo L 04 lần thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản với tổng trị giá các tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 109.000.000 (một trăm lẻ chín triệu) đồng, trong đó cả 04 lần bị cáo đều là người trực tiếp thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó, mức hình phạt đối với bị cáo D phải cao hơn mức hình phạt đối với bị cáo L và bị cáo P. Đối với bị cáo L đã tham gia cùng các bị cáo T, P, D 05 thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản với tổng trị giá các tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 52.000.000 (năm mươi hai triệu) đồng, trong đó có 03 lần bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo L phải cao hơn mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo P do bị cáo P chỉ 03 lần tham gia cùng các bị cáo T, L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại với tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 31.000.000 đồng. Căn cứ nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

[7.1] Đối với xe mô tô hiệu Honda Future, màu xanh-đen-bạc, biển số 69E1-103.25 của anh Đặng Tấn D4; xe mô tô hiệu Honda SH 125i, màu đỏ -

đen, biển số 61B2–005.82 của anh Đặng Văn T2; xe mô tô hiệu KWA, biển số 61N7–6353 của anh Nguyễn Tiến C; xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, màu xanh-đen, biển số 61C1–753.29 của anh Huỳnh M1; xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 77D1–242.64 của anh Phạm Đình N1; xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xanh-đen, biển số 69E1–195.05 của anh Nguyễn Văn N2 mà các bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại nêu trên, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ được tài sản bị chiếm đoạt và giao trả lại các xe mô tô nêu trên cho những người bị hại, các bị hại không có yêu cầu gì khác đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7.2] Bị hại anh Trần Công H3 yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh D và Lê Hải L liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Công H số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng là trị giá xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 36B6–728.46 mà các bị cáo đã chiếm đoạt của anh H. Tại phiên tòa các bị cáo T, D và L đồng ý liên đới bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại H. Do đó, buộc các bị cáo T, D, L liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại H với số tiền là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

[7.3] Bị hại Nguyễn Thị Thanh T3 yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Hải L và Nguyễn Quốc P liên đới bồi thường cho chị T3 số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng là trị giá xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 61B1 – 888.07 mà các bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại T3. Tại phiên tòa các bị cáo T, L và P đồng ý liên đới bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại T3. Do đó, buộc các bị cáo T, L, P liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại T3 số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng.

[7.4] Bị hại Dương Hồng S1 yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Thanh D liên đới bồi thường cho anh S1 số tiền 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng là trị giá xe mô tô hiệu Honda Future FI, màu nâu-vàng, biển số 67C1-407.26 mà các bị cáo đã chiếm đoạt của anh S1. Tại phiên tòa các bị cáo T và D đồng ý liên đới bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại S1. Do đó, buộc các bị cáo T, D liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại S1 số tiền 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không.

[9] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

[10] Đối với đối tượng Nguyễn Thanh H1, quá trình điều tra Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh D, Lê Hải L và Nguyễn Quốc P khai đã bán lại xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 36B6–728.46 và xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 61B1–888.07 cho H1, tuy nhiên đến nay Cơ quan điều tra vẫn chưa làm việc được với đối tượng H1, do đó chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H1 về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý khi có đủ căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Quốc P, Lê Hải L phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1.2. Tuyên bố bị cáo Lê Minh P1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng các điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/9/2022.

2.2. Áp dụng các điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh D 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2022.

2.3. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g và điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Hải L 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/9/2022.

2.4. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc P 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2022.

2.5. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Minh P1 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/02/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

3.1. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh D và Lê Hải L liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Công H số tiền 12.000.000 (mười hai triệu).

3.2. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Hải L và Nguyễn Quốc P liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh T3 số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng.

3.3. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Thanh D liên đới bồi thường cho anh Dương Hồng S1 số tiền 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không.

5. Về án phí sơ thẩm:

5.1. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Quốc P, Lê Hải L và Lê Minh P1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm;

5.2. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh D và Lê Hải L liên đới chịu 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5.3. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Hải L và Nguyễn Quốc P liên đới chịu 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5.4. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Thanh D liên đới chịu 1.100.000 (một triệu một trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý khi có đủ căn cứ đối với đối tượng Nguyễn Thanh H1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” mà quá trình điều tra Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh D, Lê Hải L và Nguyễn Quốc P khai đã bán lại xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 36B6–728.46 và xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 61B1–888.07 cho H1.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

Nguyễn Khương Minh Trí